

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Công nghệ Sinh học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Hồ Việt Thế

2. Ngày tháng năm sinh: 18/6/1982; Nam ; Nữ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không tôn giáo

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 64, đường số 2A, khu dân cư Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ: Số 64, đường số 2A, khu dân cư Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0933025523;

E-mail: thehv@hufi.edu.vn

7. Quá trình công tác:

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ tháng 5 năm 2005 đến tháng 12 năm 2010: Giảng viên tại Viện Công nghệ Sinh học-Môi Trường, trường đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh.

Từ tháng 4 năm 2014 đến hiện tại: Giảng viên tại khoa Công nghệ Sinh học, trường đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Chủ nhiệm ngành đào tạo thạc sĩ ngành Công nghệ sinh học.

Cơ quan công tác hiện nay: khoa Công nghệ Sinh học, trường đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 140 Lê Trọng Tấn, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 0283 8163 318

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học:

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu:

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối:

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 26 tháng 5 năm 2005; số văn bằng: C637129; ngành: Nông học, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 4 năm 2010; số văn bằng:; ngành: Khoa học cây trồng; chuyên ngành: Chọn tạo giống cây trồng và sinh học phân tử; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học quốc gia Philippines- Los Banos, Philippines.

- Được cấp bằng TS ngày 15 tháng 02 năm 2014; số văn bằng: 1696; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Đa dạng sinh học nông nghiệp, Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Sant'Anna, Italia.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH:

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Ứng dụng chỉ thị phân tử trong đánh giá đa dạng di truyền, nhận diện giống cây trồng.
- Ứng dụng sinh học phân tử trong nghiên cứu cơ chế và nâng cao khả năng chống chịu của lúa đối với các điều kiện khắc nghiệt của môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 08 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp cơ sở, 01 cấp thành đoàn thành phố Hồ Chí Minh, 01 cấp hợp tác quốc tế;
- Đã công bố 33 bài báo khoa học, trong đó 18 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0.

15. Khen thưởng: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 4 năm liên tiếp, Bằng khen của ban chấp hành Công đoàn Bộ Công Thương năm 2017.

16. Kỷ luật: Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Bản thân ứng viên nhận thấy có đầy đủ các tiêu chuẩn của một nhà giáo giảng dạy trong môi trường đại học.

Về giảng dạy: ứng viên có năng lực chuyên môn phù hợp để giảng dạy các môn học ở trình độ đại học và sau đại học ở các môn học được Khoa và Bộ môn phân công. Trong quá trình giảng dạy, ứng viên luôn hoàn thành tốt các công tác được giao bao gồm các hoạt động: giảng dạy trực tiếp trên lớp, hướng dẫn thực tập tốt nghiệp, hướng dẫn đề án và khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên đại học, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cho học viên cao học.

Về nghiên cứu khoa học: ứng viên đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài các cấp và đề tài hợp tác quốc tế, kết quả được chứng minh thông qua việc ứng viên hàng năm đều có các bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước. Bên cạnh công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên cũng được phân công tham gia chỉnh sửa và xây dựng các chương trình đào tạo ở cấp độ đại học và cao học, các chương trình này sau đó đã được đưa vào sử dụng trong các bậc học ở cơ sở đào tạo.

Ngoài ra, bản thân ứng viên luôn thực hiện tốt các tiêu chuẩn đạo đức của một giảng viên đối với người học cũng như đối với các đồng nghiệp, có tinh thần cầu thị và học hỏi để nâng cao năng lực cá nhân từ đó phục vụ công việc giảng dạy được tốt hơn.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 12 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|---------------------------|---|---|-----|--|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SDH | |
| 1 | 2015-2016 | 0 | 0 | 0 | 16 | 633 | 0 | 633/1.024,65/270 |
| 2 | 2016-2017 | 0 | 0 | 0 | 8 | 575 | 0 | 575/857,25/270 |
| 3 | 2017-2018 | 0 | 0 | 1 | 8 | 420 | 105 | 525/724,5/270 |
| 03 năm học cuối | | | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|---|-----------|---|---|---|---|-----|----|---------------|
| 4 | 2018-2019 | 0 | 0 | 4 | 8 | 540 | 60 | 600/1.066/270 |
| 5 | 2019-2020 | 0 | 0 | 1 | 4 | 285 | 90 | 375/453,6/270 |
| 6 | 2020-2021 | 0 | 0 | 2 | 5 | 192 | 30 | 225/478,7/300 |

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS tại nước Philippines năm 2010;

- Bảo vệ luận án TS tại nước Italia năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy: Chương trình liên kết quốc tế giữa trường đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh và đại học Meiho- Đài Loan ngành Khoa học thực phẩm và ngành Khoa học và Công nghệ Sinh học.

d) Đối tượng khác; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh: chứng chỉ IELTS 7.0 (năm 2010)

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên HVCH | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-----------------------|-----------|------|--------------------------|-----|---|---|--|
| | | NCS | HVCH | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Trần Thị Mỹ Hạnh | | X | X | | 11/2017- 7/2018 | ĐH Kỹ thuật Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. | 15/10/2018 |
| 2 | Ngô Quốc Nguyên | | X | X | | 02/2017- 01/2018 | ĐH Khoa học Tự Nhiên Tp. Hồ Chí Minh | 08/5/2019 |
| 3 | Huỳnh Thị Cẩm Tiên | | X | X | | 8/2018- 4/2019 | ĐH Kỹ thuật Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. | 24/7/2019 |
| 4 | Võ Thị Ngọc Hà | | X | X | | 3-9/2019 | ĐH Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh | 25/12/2019 |
| 5 | Võ Thị Thu Duyên | | X | X | | 3-9/2019 | ĐH Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh | 25/12/2019 |
| 6 | Đinh Thị Ngân Hà | | X | X | | 9/2019- 4/2020 | ĐH Kỹ thuật Công nghệ TP. Hồ Chí Minh | 09/9/2020 |

| | | | | | | | | |
|---|---------------------|--|---|---|--|----------------|--|--|
| 7 | Trần Thị Kim Phượng | | X | X | | 6/2020-12/2020 | ĐH Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh | Quyết định cấp bằng tốt nghiệp số 1429/QĐ-DCT ngày 29 tháng 7 năm 2021 |
| 8 | Bùi Sơn Tuyền | | X | X | | 6/2020-12/2020 | ĐH Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh | Quyết định cấp bằng tốt nghiệp số 1429/QĐ-DCT ngày 29 tháng 7 năm 2021 |

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phản biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|-----------------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------|-------------|---|--|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | | | |
| 1 | Tin sinh học | GT | NXB ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2020 | 01 | Hồ Việt Thế | Toàn bộ | Giấy xác nhận sử dụng giáo trình số 1227/GĐ-DCT ngày 28/5/2019 của Hiệu trưởng trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM |

Trong đó: số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 0.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|----|---|-----------|---|---------------------|---|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | |
| 1 | Xác định tỉ lệ nhiễm vi sinh vật trong các nguồn phấn hoa từ huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. | CN | CS-CB07-NL-03. Cấp trường (trường ĐH Nông Lâm TPHCM) | 5-12/2007 | 2007/ Đạt |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | |
| 1 | Genetic characterization and Development of molecular marker for longan variety authentication in Vietnam | CN | Hợp tác quốc tế với SEARCA-SEAMEO | 2015-2016 | 2016/ Hoàn thành |
| 2 | Xây dựng bộ kit phát hiện nhanh thực phẩm biến đổi gen dựa trên kỹ thuật LAMP | CN | Vườn ươm khoa học trẻ, Thành đoàn thành phố Hồ Chí Minh | 2017-2018 | 2018/ Hoàn thành |

| | | | | | |
|---|--|----|--|-----------|-----------|
| 3 | Xây dựng quy trình sản xuất enzyme DNA polymerase tái tổ hợp ở quy mô phòng thí nghiệm | CN | Cấp trường (Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TPHCM). | 2018-2019 | 2019/ Khá |
|---|--|----|--|-----------|-----------|

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố:

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| T | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|--|------------|------------------|---|---|--|----------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | | | | |
| 1 | SUB1A-dependent and – independent mechanisms are involved in the flooding tolerance of wild rice species | 6 | | Plant Journal | ISI, IF= 6,141 | 77 | 72, 282-293 | 2012 |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | | | | |
| 2 | Lập bản đồ các tính trạng số lượng liên quan đến khả năng kháng mặn của lúa ở giai đoạn mạ | 2 | X | Tạp chí khoa học đại học Cần Thơ | - | - | 40(2), 44-51 | 2015 |
| 3 | Đánh giá tiềm năng chống chịu ngập và mặn ở một số giống lúa địa phương | 2 | X | Tạp chí Khoa học công nghệ | - | - | 7, 2-7 | 2015 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|-------------------------------|----|-----------------|------|
| | | | | và Thực phẩm | | | | |
| 4 | Development of salt tolerant IR64 near isogenic lines through marker- assisted breeding. | 3 | X | Journal of Crop Science and Biotechnology | Scopus, Q3 | 11 | 19(5), 373-381 | 2016 |
| 5 | Using RAPD technique to evaluate genetic diversity of longan (<i>Dimocarpus longan</i>) population in Vietnam. | 2 | X | Biodiversitas | Scopus, Q3 | - | 18(4),1632-1637 | 2017 |
| 6 | A calcineurin B-like protein participates in low oxygen signaling in rice. | 5 | X | Functional Plant Biology | ISI, IF= 2,617 Scopus, Q1 | 11 | 44, 917-928 | 2017 |
| 7 | Đánh giá đa dạng di truyền của một số mẫu điều (<i>Anacardium occidentale</i> L.) ở các tỉnh Đông Nam Bộ bằng kỹ thuật RAPD | 3 | X | Tạp chí Khoa học công nghệ và Thực phẩm | - | - | 13(1), 60-67 | 2017 |
| 8 | Đánh giá đa dạng di truyền cho một số giống cúc (<i>Chrysanthemum</i> spp.) ở miền Nam | 3 | X | Tạp chí Khoa học công nghệ và Thực phẩm | - | - | 13(1), 74-83 | 2017 |
| 9 | Transcriptome profiling of short-term response to chilling stress in tolerant and sensitive <i>Oryza sativa</i> ssp. Japonica seedlings | 9 | | Functional & Integrative Genomics | ISI, IF= 3,058, Scopus, Q1 | 21 | 18, 627-644 | 2018 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|--|------------|---|----------------|------|
| 10 | Evaluating salt tolerance of twenty traditional rice varieties from Vietnam | 3 | X | Tạp chí Khoa học công nghệ và Thực phẩm | - | 2 | 14(1), 3-11 | 2018 |
| 11 | Xây dựng phương pháp phát hiện thịt heo và thịt bò trong thực phẩm bằng kỹ thuật Multiplex-PCR | 5 | X | Tạp chí Khoa học công nghệ và Thực phẩm | - | - | 15(1), 87-94 | 2018 |
| 12 | Development of SCAR makers for longan (<i>Dimocarpus longan</i> L.) authentication in Vietnam | 2 | X | Biotechnology, Journal of Biotechnology, Computational Biology and Bionanotechnology | Scopus, Q4 | - | 99(4), 401-407 | 2018 |
| 13 | Genetic characterization of <i>Gac (Momordica cochinchinensis)</i> accessions in Southern Vietnam by ISSR markers | 3 | X | Biodiversitas | Scopus, Q3 | 1 | 20(2), 387-392 | 2019 |
| 14 | Phân lập và định danh một số chủng <i>Bacillus</i> spp. có hoạt tính cao trong tầng đất mặt được thu thập từ tỉnh Bình Thuận | 2 | X | Tạp chí Khoa học công nghệ và Thực phẩm | - | - | 18(2), 48-62 | 2019 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|-----------------|---|-------------------|------|
| 15 | Genetic characterization of mango accessions through RAPD and ISSR markers in Vietnam | 2 | X | SABRAO Journal of Breeding and Genetics | ISI, Scopus, Q3 | 1 | 51(3), 252-265 | 2019 |
| 16 | Bước đầu sử dụng chỉ thị phân tử để nhận diện giống mít không hạt | 4 | X | Tuyển tập báo cáo toàn văn Hội nghị công nghệ Sinh học toàn quốc năm 2019 | - | - | 473-477 | 2019 |
| 17 | Classification of some commercial lingzhi (<i>Ganoderma</i> spp.) accessions in Vietnam by ITS-based DNA barcode | 3 | X | Tạp chí khoa học Đại học Huế: Khoa học tự nhiên | - | - | 128(1E), 163-171 | 2019 |
| 18 | Developmental, morphological and molecular variation of commercial <i>Ganoderma</i> spp. Accessions from southern Vietnam | 3 | X | Biodiversitas | Scopus, Q3 | - | 20(12), 3684-3689 | 2019 |
| 19 | Hoàn thiện quy trình sản xuất enzyme <i>Taq</i> DNA polymerase ở quy mô phòng thí nghiệm | 3 | X | Tạp chí Khoa học công nghệ và Thực phẩm | - | - | 19(2), 31-37 | 2019 |
| 20 | Xây dựng quy trình phát hiện nhanh ngô chứa gen <i>Cry1Ab</i> dựa trên kỹ thuật LAMP | 6 | X | Tạp chí Khoa học công nghệ | - | - | 20(1), 37-45 | 2020 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|---|-----------------|---|------------------|------|
| | | | | và Thực phẩm | | | | |
| 21 | An <i>in silico</i> approach for evaluation of <i>rbcL</i> and <i>matK</i> loci for DNA barcoding of Cucurbitaceae family. | 2 | X | Biodiversitas | Scopus, Q3 | 1 | 21(8), 2879-2885 | 2020 |
| 22 | Khảo sát nguyên nhân gây nhiễm trùng vết thương và đánh giá khả năng kháng sinh của vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> tại bệnh viện Quân y 175 | 2 | X | Tạp chí Khoa học công nghệ và Thực phẩm | - | - | 20(2), 112-119 | 2020 |
| 23 | Initial application of RAPD molecular markers to evaluate the genetic diversity of jewel orchid (<i>Anoectochilus</i> spp.) accession | 3 | X | Tạp chí Khoa học công nghệ và Thực phẩm | - | - | 20(3), 3-10 | 2020 |
| 24 | Characterizing genetic variation of two popular durian (<i>Durio zibethinus</i> L.) varieties in southern | 3 | X | Bioscience Research | ISI | - | 17(4), 3040-3049 | 2020 |
| 25 | Bước đầu xây dựng bộ KIT phát hiện sự lẫn tạp DNA một số loại thịt trong thực phẩm chay | 7 | X | Tạp chí khoa học đại học Cần Thơ | - | - | 56(6B), 146-152 | 2020 |
| 26 | DNA fingerprinting and molecular characterization of mango (<i>Mangifera</i> spp.) cultivars in Vietnam using ITS DNA barcode | 3 | X | Bulgarian Journal of Agricultural Science | ISI, Scopus, Q2 | - | 27(1), 128-134 | 2021 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|--|-----------------------|---|------------------|------|
| 27 | Genetic diversity among passion fruits (<i>Passiflora edulis</i>) accessions of southern Vietnam using RAPD and ISSR marker | 5 | X | SABRAO journal of Breeding and Genetics | ISI Scopus, Q3 | - | 53(1), 1-14 | 2021 |
| 28 | Utilization of ISSR markers to investigate genetic diversity of <i>Curculigo orchioides</i> Gaertn. Population in Vietnam | 3 | X | Bioscience Research | ISI | - | 18(2), 1182-1188 | 2021 |
| 29 | Comparison of three DNA barcode loci for distinguishing Hoan-ngoc (<i>Pseuderanthemum palatiferum</i>) from its relatives | 2 | X | Bioscience Research | ISI | - | 18(2), 1277-1283 | 2021 |
| 30 | Utilization of ITS-based DNA barcode for classification of different <i>Panax</i> species in Vietnam | 7 | X | Bioscience Biotechnology Research Communications | ISI | - | 14(2), 532-537 | 2021 |
| 31 | Evaluating the effectiveness of three DNA barcode loci to classify jewel orchids using <i>in silico</i> approach | 1 | X | Bioscience Biotechnology Research Communications | ISI | - | 14(2), 587-593 | 2021 |
| 32 | Comparison of <i>matK</i> and <i>rbcL</i> DNA barcodes for genetic classification of jewel orchid accessions in Vietnam | 4 | X | Journal of Genetic Engineering and | ISI, Scopus, Q3 | 1 | 19:93 | 2021 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|--------------|------|
| | | | | Biotechnol ogy | | | | |
| 33 | Nghiên cứu thiết kế cặp primer PCR để phân biệt tam thất hoang (<i>Panax stipuleanatus</i>) với tam thất bắc (<i>Panax notoginseng</i>) | 3 | X | Tạp chí Khoa học công nghệ và Thực phẩm | - | - | 21(2), 73-79 | 2021 |

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 16 bài, ở các thứ tự: 4, 5, 6, 12, 13, 15, 18, 21, 24, 26, 27, 28, 29, 30, 31 và 32.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|---------------------------------|------------|------------------|---|---|----------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|----|--|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

.....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--|---------------------------|--|----------------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|---|-------------------------------|--|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1 | Chương trình đào tạo đại học | Tham gia | Thông báo số 927/TB-DCT ngày | Trường ĐH Công nghiệp | Quyết định số 2454/QĐ-DCT | |

| | | | | | | |
|---|--|---------|---|---|---|--|
| | Công nghệ Sinh học | | 21/11/2019 về việc “Cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2019 và kế hoạch chi tiết thực hiện”. - Thông báo số 511/TB-DCT ngày 30/7/2020 về việc “Điều chỉnh cấu trúc chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2020 và tổ chức thực hiện”. | Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh | ngày 10/10/2020 về việc “Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành đào tạo của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh. | |
| 2 | Chương trình đào tạo thạc sĩ Công nghệ Sinh học năm 2016 | Chủ trì | - Quyết định số 2234/QĐ-DCT ngày 31/12/2015 về việc “Thành lập tổ soạn thảo chương trình đào tạo các ngành Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sinh học, Kỹ thuật cơ khí trình độ thạc sĩ”. - Quyết định số 183/QĐ-DCT ngày 24/02/2016 về việc “Thành lập Hội đồng ngành đào tạo trình độ thạc sĩ”. | Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh | - Quyết định số 981/QĐ-DCT ngày 24/6/2016 về việc “Trường đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ sinh học”. | |

| | | | | | | |
|---|--|---------|---|---|---|--|
| | | | - Quyết định số 251/QĐ-DCT ngày 03/3/2016 về việc “Thành lập ban xây dựng hồ sơ mở ngành đào tạo bậc thạc sĩ”. | | | |
| 3 | Chương trình đào tạo thạc sĩ Công nghệ Sinh học năm 2018 | Chủ trì | - Quyết định số 1162/QĐ-DCT ngày 29/5/2018 về việc “Thành lập Tổ soạn thảo chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ”. | Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh | - Quyết định số 2920/QĐ-DCT ngày 05/12/2018 về việc “Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ sinh học”. | |
| 4 | Chương trình đào tạo thạc sĩ Công nghệ Sinh học năm 2020 | Chủ trì | - Thông báo số 863/TB-DCT ngày 02/11/2020 về việc “Cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2020”. - Quyết định số 2683/QĐ-DCT ngày 06/11/2020 về việc “Thành lập tổ soạn thảo cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2020”. | Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh | - Quyết định số 221/QĐ-DCT ngày 27/02/2021 về việc “Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành đào tạo của Trường đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh”. | |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu: 0

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu: 0

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu: 0

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu: 0

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: 0

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: 0

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

.....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

.....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

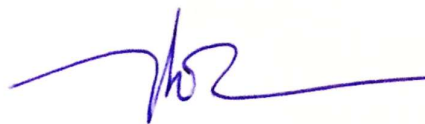
.....

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Hồ Viết Thế